ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 412 /QĐ-UBND	*Năm Căn, ngày 28 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kênh Lung Lá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019);

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 2154/UBND-KT ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc dự kiến nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 405/TB-STC ngày 12/5/2022 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc dự kiến phân bổ kinh phí để triển khai dự án, công trình từ các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 201/TTr-PNN ngày 28/11/2022 và Thông báo kết quả thẩm định của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 275/TĐ-KT&HT ngày 28/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Kênh Lung Lá.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn.

3. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Năm Căn.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Khơi thông dòng chảy, cấp và tiêu thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản của địa phương.

- Phục vụ nhu cầu giao thông đường thủy, đồng thời tận dụng đất đắp bờ bao ngăn triều cường kết hợp phát triển giao thông nông thôn.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng

4.2.1. Quy mô thiết kế

- Tổng chiều dài tuyến khảo sát: 2.836m.
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856, dài: 856m.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980, dài: 1.980m.
- Tổng chiều dài tuyến thiết kế: 1.685m; trong đó:
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856, dài: 856m.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980, dài: 1.980m.
- Chiều rộng mặt bờ (hai bên)
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856, rộng: 2m ÷ 3m.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980, rộng: 2m ÷ 3m.
- Cao trình đỉnh bờ (hai bên)
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856: +2.0.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980: +2.2.
- Hệ số mái bờ (hai bên): 1.0.
- Lưu không (hai bên): 1m.
- Chiều rộng đáy kênh
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856, rộng: 5m.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980, rộng: 4m.
- Cao trình đáy kênh
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856: -2.2.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980: -2.2.
- Hệ số mái kênh
  + Đoạn 1: Từ Km0+000 ÷ Km0+856: 1.0.
  + Đoạn 2: Từ Km0+000 ÷ Km1+980: 0.75 ÷ 1.0.

4.2.2. Giải pháp kỹ thuật thiết kế

- Tim kênh thiết kế trùng với tim kênh hiện trạng.
- Phương tiện thi công chủ yếu là máy đào, dung tích gàu 0,65m^3.
- Hình thức đổ đất: Đổ đất hai bên bờ kênh theo tỷ lệ 5/5.

- Trong quá trình thi công, đất không được đổ dồn thành đống, cần tiến hành thi công nhiều đợt, có thời gian để nền đất ổn định, tránh sạt lở.

- Các công trình ngang sông (cầu tạm, đường dây diện sinh hoạt...) phải được tháo dỡ trong thời gian thi công và lắp hoàn trả lại sau khi thi công xong qua vị trí tháo dỡ.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, tổ chức lập khảo sát xây dựng

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư vấn TKXD Thiên Tân.

- Tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn TKXD Thiên Tân.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

8. Số bước thiết kế: Thiết kế một bước (lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng).

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn số): **305.409.000 đồng.**

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng sau thuế: 198.443.937 đồng.

+ Chi phí QLDA: 4.709.757 đồng.

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 101.231.388 đồng.

+ Chi phí khác: 8.974.650đồng.

+ Chi hỗ trợ GPMB: 1.050.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước *(vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 (từ nguồn vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023)).*

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không thực hiện.

Điều 2. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng theo những quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; đồng thời, thực hiện các nội dung kiến nghị theo Thông báo thẩm định tại Công văn số 275/TĐ-KT&HT ngày 28/11/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT;
- UBND xã Hàm Rồng;
- Lãnh đạo VP;
- CV phụ trách XD;
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đoàn Hùng

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: KÊNH LUNG LÁ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ HÀM RỒNG, HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

Đơn vị tính: đồng

STT	Ký hiệu	Khoản mục chi phí	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Ghi chú
I	**G_{GPMB}**	**Chi phí hỗ trợ GPMB**	Bảng tổng hợp chi phí hỗ trợ GPMB	**1.050.000**		**1.050.000**	
II	**G_{XD}**	**Chi phí xây dựng**	**G_{XD}**	**180.422.797**		**189.443.937**	
1	Gxd1	Phần nạo vét kênh mương	Bảng tổng hợp dự toán hạng mục 1	180.422.797	5%	189.443.937	
III	**G_{QLDA}**	**Chi phí quản lý dự án**	G_{XD} x 3,263% x 0,8	**4.709.757**	**0%**	**4.709.757**	Thông tư 11/2021/TT-BXD
IV	**G_{TV}**	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**(G_{TV1} +...+ G_{TV8})**	**93.732.767**		**101.231.388**	
1	G_{TV1}	Chi phí lập báo cáo KTKT	G_{XD} x 6,200%	11.186.213	8%	12.081.110	Thông tư 12/2021/TT-BXD
2	G_{TV2}	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	G_{XD} x 0,189% x 1,2 (tối thiểu 2.200.000đ)	2.000.000	8%	2.160.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD
3	G_{TV3}	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	G_{XD} x 0,183% x 1,2 (tối thiểu 2.200.000đ)	2.000.000	8%	2.160.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD
4	G_{TV4}	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	G_{XD} x 0,361%	651.326	8%	703.432	Thông tư 12/2021/TT-BXD
4	G_{TV4}	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G_{XD} x 2,598%	4.687.384	8%	5.062.375	Thông tư 12/2021/TT-BXD
5	G_{TV5}	Chi phí khảo sát	Bảng tổng hợp dự toán khảo sát	73.207.843	8%	79.064.470	Thông tư 12/2021/TT-BXD
V	**G_K**	**Chi phí khác**	**(G_{K1}+...+G_{K5})**	**8.730.186**		**8.974.650**	
1	G_{K1}	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	V x 0,570%	1.814.383	0%	1.814.383	Thông tư 10/2020/TT-BTC
2	G_{K2}	Chi phí kiểm toán độc lập	V x 0,960%	3.055.803	8%	3.300.267	Thông tư 10/2020/TT-BTC
3	G_{K3}	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	G_{XD} x 0,05% (tối thiểu 1.000.000đ)	1.000.000	0%	1.000.000	Nghị định 63/2014/NĐ-CP
4	G_{K4}	Chi phí thẩm định HS mời thầu, HS yêu cầu	G_{XD} x 0,05% (tối thiểu 1.000.000đ)	1.000.000	0%	1.000.000	Nghị định 63/2014/NĐ-CP

5	G_{K5}	Chi phí thẩm định BC KTKT	(Gtv2+Gtv3)x 15%	600.000	0%	600.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD
6	G_{K6}	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng	Khoán gọn	1.260.000		1.260.000	CV 1858/UBND-XD ngày 13/3/2017
	Q	**CỘNG CÁC CHI PHÍ**	$G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{GPMB}$			**305.409.731**	
VI	G_{DP}	**Dự phòng phí**	G_{DP1}				
1	G_{DP1}	Dự phòng phí do công việc phát sinh	Q x 5%				
VII	**G**	**Tổng cộng**	$(G_{DP} + Q)$			**305.409.731**	
		Làm tròn				**305.409.000**	

Lập

Nguyễn Rô Pin

Chủ trì

Nguyễn Văn Nguyện

Chứng chỉ KS định giá hạng 3, số: KIG-00076058

CÔNG TY TNHH MTV DVXD HỒNG HƯNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ XÂY DỰNG HỒNG HƯNG

Nguyễn Văn Nguyện